|  |  |
| --- | --- |
| *Tuần 14 năm học 2023-2024* |  *- Ngày soạn: 1/12/2023* *- Ngày dạy: 4 /112/2023 lớp 9A1* |

**PHẦN II: SINH VẬT VÀ MÔI RƯỜNG**

**CHƯƠNG I: SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG**

**TIẾT 25. Bài 41:**

**MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC NHÂN TỐ SINH THÁI**

**I. MỤC TIÊU**

**1- Kiến thức:**

- Phát biểu được khái niệm môi trường sống, nhận biết các loại môi trường sống của sinh

vật

- Phân biệt được các nhân tố sinh thái đặc biệt là nhân tố con người

- Trình bày được khái niệm giới hạn sinh thái

**2- Kĩ năng**: Quan sát tranh hình, nhận biết kiến thức, vận dụng, giải thích, khái quát hóa

**3- Thái độ**: Ý thức bảo vệ môi trường

**II. CHUẨN BỊ**

1. GV: Tranh H41.1, 2 (SGK - T118, T120)

2. HS: SGK, đọc trước bài, bảng nhóm

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC**

1. Ổn định tổ chức lớp (1')

2. Kiểm tra bài cũ :

- Ưu thế lai là gì? Nêu các phương pháp tạo ưu thế lai ở thực vật.

**3. Bài mới:** (37')

\* Giới thiệu chương (3’)

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu về môi trường**  | **1. Môi trường sống của sinh vật** (8') |
| **sống của sinh vật** | \* Khái niệm: SGK - T118 |
| GV: Một cơ thể sống tồn tại ở môi trường | \* Phân loại: (4 loại) |
| chịu sự tác động của các yếu tố nào? | + Môi trường nước |
| GV: quan sát tranh H41.1 xác định con cá | + Môi trường trên mặt đất, không khí |
| sống trong nước chịu ảnh hưởng của  | + Môi trường trong đất |
| những yếu tố cụ thể nào? | + Môi trường sinh vật |
| HS: trả lời |  |
| GV: tổng kết lại → môi trường sống  |  |
| - vậy môi trường sống là gì? |  |
| GV: quan sát tranh H41.1 hoàn thành bảng |  |
| 41.1 (SGK - T119) |  |
| HS: hoạt động nhóm báo cáo |  |
| GV: đưa đáp án |  |
| **Hoạt động 2: Tìm hiểu về các nhân tố**  | **2. Các nhân tố sinh thái của môi trường**  |
| **sinh thái của môi trường** | (19') |
| GV: yêu cầu HS nghiên cứu SGK | a) Khái niệm về nhân tố sinh thái |
| - có các loại nhân tố sinh thái nào? khái | (SGK - T119) |
| niệm về nhân tố sinh thái. | b) Có 2 loại nhân tố sinh thái  |
| - thế nào là nhân tố vô sinh, hữu sinh? | - Nhân tố vô sinh  |
| HS: trả lời | - Nhân tố hữu sinh |
| GV: yêu cầu hoạt động nhóm theo ∇2 SGK | + Sinh vật: vi sinh vật, nấm, động vật, thực |
| hoàn thành bảng 41.2 | vật |
| HS: hoạt động nhóm và báo cáo | + Con người:  |
| GV: kết luận | * Tác động tích cực
 |
| - phân tích sâu các tác động của con người | * Tác động tiêu cực
 |
| → đặc biệt quan trọng  | c) Sự thay đổi của các nhân tố sinh vật: |
| GV:yêu cầu trả lời câu hỏi ∇ (SGK-T120) | theo môi trường và thời gian |
| HS: trả lời |  |
| **Hoạt động 3: Tìm hiểu về giới hạn sinh**  | **3. Giới hạn sinh thái** (6') |
| **thái** | - Khái niệm: (SGK - T120) |
| GV: hướng dẫn nghiên cứu SGK + H41.2 | - Ví dụ:  |
| (SGK - T120) |  |
| - em hiểu gì về nội dung H41.2  |  |
| - cá rô phi Việt nam sống và phát triển ở |  |
| nhiệt độ nào? |  |
| HS: cá nhân hoạt động + ví dụ khác |  |
| GV: tổng kết lại |  |
| GV: cho HS đọc kết luận của bài (SGK) | **4. Kết luận bài** (1') |
| HS: đọc KL |  |

**4. Củng cố** (5') GV: Hệ thống lại kiến thức của bài

5**. Dặn dò** (2') Học bài, trả lời các câu hỏi SGK, Kẻ bảng 42.1 (SGK - T123)

|  |  |
| --- | --- |
| *Tuần 14 năm học 2023-2024* |  *- Ngày soạn: 3/12/2023* *- Ngày dạy: 8 /12/2023 lớp 9A1* |

**TIẾT 26**

**Bài 42: ẢNH HƯỞNG CỦA ÁNH SÁNG LÊN**

 **ĐỜI SỐNG SINH VẬT**

**I. MỤC TIÊU**

**1- Kiến thức:**

- Nêu được ảnh hưởng của nhân tố ánh sáng đến các đặc điểm hình thái, giải phẫu sinh lí

và tập tính sinh vật

- Giải thích được sự thích nghi của sinh vật với môi trường

**2- Kĩ năng:** Hoạt động nhóm, khái quát hóa, tư duy logic

**3- Thái độ:** Ý thức bảo vệ thực vật

**II. CHUẨN BỊ**

1. GV: Tranh Hình SGK: một số mẫu lá cây: lá nốt, vạn liên thanh, lúa

2. HS: SGK, đọc trước bài, mẫu lá

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC**

1. Ổn định tổ chức lớp (1')

2. Kiểm tra bài cũ (7')

GV: Thế nào là môi trờng sống của sinh vật? Lấy ví dụ.

GV: Làm bài tập 2 (SGK - T121)

3. Bài mới: (30')

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu về ảnh hưởng**  | **1. ảnh hưởng của ánh sáng lên đời sống thực vật** (15') |
| **của ánh sáng lên đời sống thực vật** |  |
| GV: nêu vấn đề ánh sáng ảnh hưởng đến |  |
| hình thái và sinh lí của cây như thế nào? |  |
| HS: trả lời |  |
| GV: cho HS quan sát cây lá nốt (hoặc nhãn) |  |
| - chiếu phim trong bảng 42.1 yêu cầu thực |  |
| hiện lệnh ∇ (SGK - T122) |  |
| HS: hoạt động nhóm báo cáo | \* Kết luận: ánh sáng có ảnh hưởng lớn tới |
| GV: chiếu kết quả vài nhóm so sánh, nhận  | đặc điểm hình thái như thân, lá... và hoạt  |
| xét | động sinh lý như quang hợp, hô hấp của  |
| - công bố đáp án chuẩn  | cây |
| HS: tự ghi nhớ kiến thức đúng | - Dựa theo ảnh hưởng của ánh sáng ta chia |
| GV: yêu cầu HS trả lời câu hỏi ở phần đặt | thực vật thành 2 nhóm:  |
| vấn đề | + Nhóm cây ưa sáng: sống nơi quang đãng |
| HS: tự rút ra KL | cần nhiều ánh sáng |
| GV: giải thích cách xếp lá trên thân của cây | + Nhóm cây ưa bóng:  |
| lá nốt, cây nhãn | Ví dụ: |
| - sự sai khác đó thể hiện điều gì? | SGK |
| HS: trả lời→ tính thích nghi với môi trường |  |
| GV: ta phân biệt cây ưa sáng và cây ưa tối |  |
| dựa theo những tiêu chuẩn nào? |  |
| - lấy ví dụ về mỗi nhóm cây đó? |  |
| - ý thức sử dụng chúng? |  |
| HS: trả lời  |  |
| **Hoạt động 2: Tìm hiểu về ảnh hưởng**  | **2. ảnh hưởng của ánh sáng lên** **đời sống động vật** (14') |
| **của ánh sáng lên đời sống động vật** |  |
| GV: yêu cầu nghiên cứu thí nghiệm (SGK) | - ánh sáng giúp động vật nhận biết các vật |
| thực hiện lệnh ∇ (SGK - T123) | và định hướng trong không gian |
| HS: hoạt động nhóm báo cáo | - ánh sáng là nhân tố ảnh hưởng tới hoạt  |
| GV: chốt lại kiến thức | động sinh trưởng và sinh sản của động vật |
| - ánh sáng ảnh hưởng tới động vật như thế  | - Dựa vào khả năng thích nghi với ánh  |
| nào? | sáng chia động vật là 2 nhóm:  |
| GV: hướng dẫn HS nghiên cứu SGK trả lời | + Nhóm động vật ưa sáng: |
| - kể tên các động vật thường kiếm ăn lúc  | + Nhóm động vật ưa tối: |
| chập tối, ban đêm, ban ngày? |  |
| - tập tính kiếm ăn, nơi ở và sinh sản của  |  |
| chúng có liên quan như thế nào? yếu tố ảnh  |  |
| hưởng là gì? |  |
| HS: trả lời → KL |  |
| GV: lấy VD minh họa |  |
| GV: dấu hiệu nhận biết động vật ưa sáng và |  |
| động vật ưa tối? |  |
| HS: tự xác định → sự phong phú đa dạng của |  |
| động vật |  |
| GV: cho HS đọc kết luận của bài (SGK) | **3. Kết luận bài** (1') |
| HS: đọc KL |  |

**4. Củng cố (6'**) GV: Hệ thống lại kiến thức của bài, cho HS trả lời câu hỏi (STK SH9)

**5. Dặn dò (1')**

Học bài, trả lời các câu hỏi SGK. Đọc phần: *“ Em có biết”*. Kẻ bảng 43.1,2 (SGK

|  |  |
| --- | --- |
| *Vũ Xá, ngày ...... tháng 12 năm 2023***TỔ TRƯỞNG TỔ CHUYÊN MÔN***(Kí ghi rõ họ tên)* | **GIÁO VIÊN***(Kí, ghi rõ họ tên)* *IMG20231029111922-removebg-preview* **Phạm Thị Thanh Hiền** |